

Số: 551/QĐ-ĐKVN

Hà Nội, ngày 02 tháng 05 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

Căn cứ Quyết định số 2836/QĐ-BGTVT, ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Xét đề nghị số 45/CN ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng thẩm định tổ chức đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và sát hạch nghiệm vụ kiểm định viên kiểm định thiết bị xếp dỡ, thiết bị áp lực dùng trong giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho Chi cục Đăng kiểm số 6, cụ thể:

1. Địa chỉ: Số 130, đường Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

2. Mã số đăng ký chứng nhận: VR-005-CC6

Điều 2. Phạm vi thực hiện kiểm định của tổ chức nêu tại Điều 1 được ghi trong Phụ lục đính kèm.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Giám đốc Chi cục Đăng kiểm số 6, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, CN.



Trần Kỳ Hình


PHỤ LỤC**PHẠM VI THỰC HIỆN KIỂM ĐỊNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 551/QĐ-ĐKVN ngày 02 tháng 05 năm 2018 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam)

STT	Tên đối tượng kiểm định	Ghi chú
I.	Thiết bị xếp dỡ	
I.1	Thiết bị xếp dỡ trên tàu biển	
1	Cần trục	
2	Cầu trục lăn, cầu trục treo	
3	Cồng trục	
4	Pa lăng điện; Palăng kéo tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên	
5	Xe tời điện chạy trên ray	
6	Tời tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên	
7	Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải theo phương nghiêng; bàn nâng; sàn nâng	
8	Thang máy	
9	Thang cuốn; băng tải chở người	
I.2	Thiết bị xếp dỡ trên phương tiện thủy nội địa	
1	Cần trục	
2	Cầu trục lăn, cầu trục treo	
3	Cồng trục	
4	Pa lăng điện; Palăng kéo tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên	
5	Xe tời điện chạy trên ray	
6	Tời tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên	
7	Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải theo phương nghiêng; bàn nâng; sàn nâng	
8	Thang máy	
9	Thang cuốn; băng tải chở người	
I.3	Thiết bị xếp dỡ trên phương tiện đường bộ	
1	Cần trục ô tô, cần trục bánh lốp, cần trục bánh xích	
2	Palăng kéo tay, tời tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên	
3	Sàn nâng dùng để nâng người làm việc trên cao; tời nâng người làm việc trên cao	



STT	Tên đối tượng kiểm định	Ghi chú
4	Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên	
5	Xe nâng người: Xe nâng người tự hành, xe nâng người sử dụng cơ cấu truyền động thủy lực, xích truyền động bằng tay nâng người lên cao quá 2m	
I.4	Thiết bị xếp dỡ trên phương tiện đường sắt	
1	Cần trục đường sắt	
2	Pa lăng điện; Palăng kéo tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên.	
3	Tời tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên.	
I.5	Thiết bị xếp dỡ trong cảng hàng không, cảng thủy, cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thủy, phương tiện đường sắt	
1	Cần trục ô tô, cần trục bánh lốp, cần trục bánh xích, cần trục tháp, cần trục chân đế	
2	Cầu trục lặn, cầu trục treo	
3	Cồng trục, bán công trục	
4	Pa lăng điện; Palăng kéo tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên	
5	Xe tời điện chạy trên ray	
6	Palăng kéo tay, tời tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên	
7	Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải theo phương nghiêng; bàn nâng; sàn nâng	
8	Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên	
9	Xe nâng người: Xe nâng người tự hành, xe nâng người sử dụng cơ cấu truyền động thủy lực, xích truyền động bằng tay nâng người lên cao quá 2m	
10	Thang máy	
11	Thang cuốn; băng tải chở người	
II.	Thiết bị áp lực	
II.1	Thiết bị áp lực trên tàu biển	
1	Nồi hơi các loại (bao gồm cả bộ quá nhiệt và bộ hâm nước) có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar; nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115°C	
2	Nồi gia nhiệt dầu	
3	Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh)	
4	Bồn, bể (xi téc), thùng dùng để chứa, chuyên chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 bar	
II.2	Thiết bị áp lực trên phương tiện thủy nội địa	

STT	Tên đối tượng kiểm định	Ghi chú
1	Nồi hơi các loại (bao gồm cả bộ quá nhiệt và bộ hâm nước) có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar; nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115°C	
2	Nồi gia nhiệt dầu	
3	Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh)	
4	Bồn, bể (xi téc), thùng dùng để chứa, chuyên chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 bar	
II.3	Thiết bị áp lực trên phương tiện đường bộ	
1	Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh)	
2	Bồn, bể (xi téc), thùng dùng để chứa, chuyên chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 bar	
II.4	Thiết bị áp lực trên phương tiện đường sắt	
1	Nồi hơi các loại (bao gồm cả bộ quá nhiệt và bộ hâm nước) có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar; nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115°C	
2	Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh)	
3	Bồn, bể (xi téc), thùng dùng để chứa, chuyên chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 bar	

Số : 00109/18CN.TCKĐ

GIẤY CHỨNG NHẬN

CHI CỤC ĐĂNG KÝ KIỂM SỐ 6

Địa chỉ: Số 130, đường Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, quận 1,
thành phố Hồ Chí Minh

Mã số đăng ký chứng nhận: VR-005-CC6

**ĐƯỢC CHỨNG NHẬN CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG**

PHẠM VI KIỂM ĐỊNH ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN:

Chi tiết tại Quyết định số: 551/QĐ-ĐKVN ngày 02 tháng 05 năm 2018

Ngày cấp: 02 tháng 05 năm 2018

Ngày hết hiệu lực: 02 tháng 05 năm 2023

Cấp lần thứ: 01

CỤC TRƯỞNG



VRCN: 0122381